

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 191/2025/DS-PT

Ngày: 18-3-2025

Về việc “tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phan Ngọc Hoàng Đình Thục

Các Thẩm phán: bà Huỳnh Thị Hồng Vân

ông Đinh Tiên Phương

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Mỹ Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Tho - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2025/TLPT-DS ngày 10 tháng 02 năm 2025 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 141/2024/DS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2025/QĐ-PT ngày 25 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị Trúc Q, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965.

2. Bà Phạm Thị E, sinh năm 1960.

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Mai Văn V, sinh năm 1998.

2. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1967.

3. Ông Mai Văn I, sinh năm 1968.

4. Ông Nguyễn Hoàng S, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* bị đơn, ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị E.

(Bà Nguyễn Thị Trúc Q, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị G, ông Mai Văn V, ông Nguyễn Hoàng S có mặt; ông Mai Văn I và Phạm Thị E vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 30/5/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc Q trình bày:

Do thời gian đã lâu nên bà không nhớ ngày tháng năm nào, bà có cho vợ chồng ông T, bà E vay số tiền 400.000.000 đồng, để đảm bảo cho việc vay tiền, vợ chồng ông T, bà E thế chấp cho bà bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 190, 191 cùng tờ bản đồ số 54 tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An do cha ông T đứng tên. Sau đó, ông T mượn bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm thủ tục cấp đổi lại và bán đất trả tiền cho bà. Bà có đưa lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu ông T viết hợp đồng vay mượn tiền không cầm cố tài sản ngày 13/12/2021, chữ viết trong Hợp đồng là của ông Mai Văn V và ông V ký tên với tư cách là người làm chứng. Theo lời trình bày của ông T thì việc ông T mượn tiền của bà để gánh nợ thay cho ông V là hoàn toàn sai sự thật vì không có việc ông V làm cháy máy cá cược gà qua mạng để bà bắt ông T ký hợp đồng vay ngày 13/12/2021 gánh nợ thay cho ông V.

Theo hợp đồng vay tiền ngày 13/12/2021, thì đến ngày 13/01/2022, ông T phải trả nợ cho bà như đã thỏa thuận, bà đã liên hệ nhiều lần nhưng vợ chồng ông T, bà E cố tình không trả.

Nay, bà yêu cầu vợ chồng ông T, bà E phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà nợ gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm là 100.928.000 đồng.

Bị đơn, ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông là cậu ruột của ông Mai Văn V. Ông thống nhất lời trình bày của bà Nguyễn Thị Trúc Q về thời gian, số tiền vay, lãi suất, chữ viết, chữ ký và các nội dung khác của hợp đồng vay tiền ngày 13/12/2021. Thực tế, ông không có vay tiền của bà Q, mà do ông V làm hư máy cá cược gà qua mạng của bà Q, nên ông đứng ra ký hợp đồng vay tiền ngày 13/12/2021. Trước yêu cầu khởi kiện của bà Q thì ông đồng ý trả số tiền gốc 400.000.000 đồng nhưng không đồng ý trả lãi, khi nào ông bán được đất thì ông sẽ trả tiền cho bà Q.

Bị đơn, bà Phạm Thị E xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Nguyễn Thị G trình bày: ông Mai Văn V là con của bà, ông V có nói với vợ chồng bà là có thiếu nợ bà Q số tiền 450.000.000 đồng, nên vợ chồng bà có vay

Ngân hàng để trả tiền cho chồng bà Q là ông Nguyễn Hoàng S. Trước khi bà Q khởi kiện, bà có năn nỉ để vợ chồng bà bán đất sẽ trả, nay bà Q khởi kiện thì vợ chồng bà không đồng ý trả thay cho ông V.

Ông Mai Văn V trình bày: bà Nguyễn Thị G là mẹ ruột của ông, còn ông Nguyễn Văn T là cậu ruột của ông. Trước đây, ông có làm cháy máy đá gà qua mạng của bà Q, do ông và gia đình không có tiền trả, nên ông T có đứng ra lãnh nợ thay cho ông. Ngày 13/12/2021, giữa ông T và bà Q có lập Hợp đồng vay mượn tiền không cầm cố tài sản với nội dung là bà Q cho ông T mượn 400.000.000 đồng, ông có ký tên vào hợp đồng với tư cách là người làm chứng. Khi ký giấy vay tiền, ông có thấy ông T đưa cho bà Q giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn thừa nào thì ông không biết. Số tiền 450.000.000 đồng mà cha mẹ ông đã trả cho ông S là khoản vay khác với số tiền 400.000.000 đồng mà ông T nhận nợ thay ông.

Ông Nguyễn Hoàng S trình bày: ông thống nhất với lời trình bày của bà Q không bổ sung gì thêm, ông đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Q. Ông hoàn toàn không có nhận số tiền 450.000.000 đồng như bà G trình bày.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 141/2024/DS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đã xử (tóm tắt):

“1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Trúc Q yêu cầu ông Nguyễn Văn T, bà Phạm Thị E có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền 500.982.000 đồng trong đó nợ gốc 400.000.000 đồng, nợ lãi 100.982.000 đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Phạm Thị E có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền 500.982.000 đồng, trong đó nợ gốc 400.000.000 đồng, nợ lãi 100.982.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Trúc Q”.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án, áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự, việc thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/7/2024, bị đơn, ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị E kháng cáo không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Trúc Q.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Ông Nguyễn Văn T trình bày: ông đồng ý trả nợ cho bà Q như bản án sơ thẩm đã xử, nhưng bà Q có thể mua đất của ông để cản trừ nợ, hoặc bà Q giới thiệu người đến mua đất, hoặc khi nào vợ chồng ông bán đất được thì sẽ trả tiền cho bà Q. Ông xin được miễn án phí vì lớn tuổi.

Bà Nguyễn Thị Trúc Q không đồng ý toàn bộ kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, bà Phạm Thị E.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của bị đơn, ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị E đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: tại phiên tòa phúc thẩm ông T đồng ý trả nợ cho bà Q, nhưng đề nghị khi nào bán được đất thì ông sẽ trả nợ và xin miễn tiền án phí do ông lớn tuổi. Bà Q không đồng ý đề nghị của ông T, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông T về thời hạn trả nợ. Xét thấy ông T thuộc trường hợp được miễn án phí quy định của pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bác kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm về án phí của ông T phải chịu và miễn án phí phúc thẩm cho ông T, bà E.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của bị đơn, ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị E thực hiện đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Trúc Q giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn, ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị E giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm: căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xác định quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng theo Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Việc xét xử vắng mặt đương sự: ông Mai Văn I và bà Phạm Thị E vắng mặt và có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn xét xử phúc thẩm vụ án.

[5] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: theo đơn kháng cáo ghi ngày 05/7/2024 (bút lục 108), ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị E kháng cáo không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Q. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T xác định ông đồng ý trả nợ cho bà Q, nhưng kháng cáo yêu cầu đến khi bán được đất sẽ trả nợ và xin miễn án phí. Như vậy, nội dung kháng cáo của ông T là về thời hạn thanh toán và án phí. Bà E có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng (bút lục số 70) và không gửi ý kiến trình bày thay đổi, bổ sung hay rút yêu cầu kháng cáo. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ vụ án.

[6] Xét kháng cáo của bà Phạm Thị E không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Q, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: ông T là chồng của bà Phạm Thị E đã thừa nhận có ký vào Hợp đồng vay mượn tiền không cầm cố tài sản ngày 13/12/2021, nội dung thể hiện bà Q cho ông T vay 400.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay từ ngày 13/12/2021 đến ngày 13/01/2022 và được người làm chứng là ông Mai Văn V thừa nhận. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Văn T đồng ý trả cho bà Q số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng (các bút lục số 23, 91-93). Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn T đồng ý trả nợ cho bà Nguyễn Thị Trúc Q như bản án sơ thẩm đã tuyên. Do đó, không chấp nhận nội dung kháng cáo này của bà E.

[7] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn T xin trả số tiền nợ khi ông và bà Phạm Thị E bán được đất: đề nghị này của ông Nguyễn Văn T không phù hợp với sự thỏa thuận giữa ông T và bà Q tại Điều I, II của Hợp đồng vay ngày 13/12/2021, không được nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc Q chấp nhận, cũng không có căn cứ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo này của ông T.

[8] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T đề nghị xem xét miễn án phí, vì ông là người cao tuổi. Yêu cầu này của ông T là có căn cứ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên được chấp nhận, miễn án phí sơ thẩm và phúc thẩm mà ông T phải chịu.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 309, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 288, Điều 357, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị E.

3. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn T về án phí.

4. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 141/2024/DS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An về án phí.

5. Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Phạm Thị E có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị Trúc Q số tiền 500.982.000đ (năm trăm triệu chín trăm tám mươi hai ngàn đồng), trong đó nợ gốc 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng), nợ lãi 100.982.000đ (một trăm triệu chín trăm tám mươi hai ngàn đồng).

6. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

7. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2024/QĐ – BPKCTT ngày 15/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An về việc phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ.

8. Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm:

8.1. Miễn toàn bộ án phí cho ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị E.

8.2. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Trúc Q số tiền 13.670.000đ (mười ba triệu sáu trăm bảy mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001111 ngày 03/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

8.3. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005044 ngày 05/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

9. Về hướng dẫn thi hành án: trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

10. Về hiệu lực của bản án: bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Ngọc Hoàng Đình Thục